

**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

**NGHỊ ĐỊNH** của Hội đồng Bộ trưởng số 322 - HĐBT ngày 18-10-1991 ban hành Quy chế khu chế xuất.

**HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;

Căn cứ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam ngày 29 tháng 12 năm 1987;

Nhằm khuyến khích và tạo điều kiện thuận lợi cho người nước ngoài đầu tư vốn, kỹ thuật và công nghệ tiên bộ vào những khu công nghiệp sản xuất hàng xuất khẩu, khai thác có hiệu quả nguồn lao động, thu hút kỹ thuật và công nghệ tiên tiến;

Theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư,

**NGHỊ ĐỊNH:**

**Điều 1.** — Ban hành Quy chế khu chế xuất tại Việt Nam kèm theo Nghị định này.

**Điều 2.** — Bộ trưởng các Bộ, Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước, Thủ trưởng các cơ quan khác thuộc Hội đồng Bộ trưởng, Chủ tịch Ủy ban Nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này.

**Điều 3.** — Nghị định này thi hành kể từ ngày ký.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng  
Chủ tịch  
**VÕ VĂN KIỆT**

**QUY CHẾ** khu chế xuất tại Việt Nam

(Ban hành kèm theo Nghị định số 322-HĐBT ngày 18-10-1991 của Hội đồng Bộ trưởng)

**Chương I****NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1.** — Khu chế xuất là khu công nghiệp tập trung chuyên sản xuất hàng xuất khẩu và thực hiện các dịch vụ sản xuất hàng xuất khẩu và xuất khẩu được thành lập và hoạt động theo Quy chế này.

**Điều 2.** — Khu chế xuất do Chính phủ Việt Nam thành lập ở những địa bàn có vị trí thuận tiện cho sản xuất hàng xuất khẩu và cho xuất khẩu, có ranh giới địa lý được ấn định theo quyết định thành lập.

**Điều 3.** — Chính phủ Việt Nam bảo đảm đối xử công bằng và thỏa đáng đối với các nhà đầu tư vào khu chế xuất.

Các biện pháp bảo đảm đầu tư quy định tại các điều 21, 22, 25 của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam được áp dụng cho các nhà đầu tư vào Khu chế xuất.

Các nhà đầu tư vào Khu chế xuất được hưởng những ưu đãi quy định trong Quy chế này.

**Điều 4.** — Trong Khu chế xuất các nhà đầu tư được hoạt động trong các lĩnh vực:

1. Sản xuất, gia công, lắp ráp sản phẩm xuất khẩu.

2. Kinh doanh các dịch vụ cho các hoạt động nói trên và cho xuất khẩu.

**Điều 5.** — Đối tượng được đầu tư vào Khu chế xuất bao gồm:

www.ThuVienPhapLuat.com  
Tel: +84-8-3845 6684



1. Các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài.

2. Người Việt Nam định cư nước ngoài (bao gồm các cá nhân và các tổ chức kinh tế có tư cách pháp nhân).

3. Các tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân thuộc các thành phần kinh tế.

**Điều 6.** — Cơ quan quản lý Khu chế xuất là Ban quản lý Khu chế xuất.

**Điều 7.** — Chính phủ Việt Nam cho phép và khuyến khích thành lập Công ty liên doanh giữa Bên (hoặc các Bên) Việt Nam và Bên (hoặc các Bên) nước ngoài để xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng của Khu chế xuất.

Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng Khu chế xuất được thành lập và hoạt động theo các quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Nghị định số 28-HDBT, ngày 16 tháng 2 năm 1991 của Hội đồng Bộ trưởng. Quyền lợi và nghĩa vụ của Công ty được quy định trong giấy phép đầu tư do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

**Điều 8.** — Đầu tư vào Khu chế xuất phải bảo đảm những điều kiện sau đây:

1. Đối với cơ sở sản xuất: Sản phẩm bán được ở thị trường nước ngoài; ưu tiên sử dụng lao động Việt Nam, chỉ sử dụng người nước ngoài đối với những loại công việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng; sản xuất không gây ô nhiễm môi trường.

2. Đối với cơ sở dịch vụ (vận chuyển, bốc dỡ, sửa chữa, bảo hiểm, ngân hàng v.v...) hỗ trợ có hiệu quả cho các hoạt động sản xuất, xuất nhập khẩu ở Khu chế xuất.

**Điều 9.** — Các hình thức đầu tư vào Khu chế xuất:

1. Thành lập xí nghiệp 100% vốn của nhà đầu tư.

2. Liên doanh giữa Bên (hoặc các Bên) nước ngoài và Bên (hoặc các Bên) Việt Nam theo hình thức xí nghiệp liên doanh.

3. Hợp tác trên cơ sở hợp đồng giữa các xí nghiệp Khu chế xuất, giữa các xí nghiệp Khu chế xuất với các tổ chức, cá nhân nước ngoài hoặc với các tổ chức kinh tế Việt Nam có tư cách pháp nhân theo các quy định của quan hệ giữa xí nghiệp nước ngoài với xí nghiệp Việt Nam.

## Chương II

### XÍ NGHIỆP KHU CHẾ XUẤT

**Điều 10.** — Xí nghiệp Khu chế xuất được thành lập theo hình thức Công ty trách nhiệm hữu hạn.

Xí nghiệp Khu chế xuất có tư cách pháp nhân theo Pháp luật Việt Nam và hoạt động theo các quy định của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Quy chế Khu chế xuất.

**Điều 11.** — Để thành lập xí nghiệp Khu chế xuất, nhà đầu tư phải làm đơn xin phép gửi Ban quản lý Khu chế xuất, kèm theo hồ sơ như quy định. Trong thời hạn 3 tháng, Ban quản lý Khu chế xuất thông báo quyết định của ngành cho nhà đầu tư. Trong trường hợp đơn xin phép kinh doanh được chấp nhận, Ban quản lý Khu chế xuất cấp cho nhà đầu tư Giấy phép kinh doanh và chứng nhận đăng ký Điều lệ xí nghiệp.

Hồ sơ có liên quan được đăng ký tại Ban quản lý Khu chế xuất.

**Điều 12.** — Xí nghiệp Khu chế xuất có tư cách pháp nhân sau khi được Ban



quản lý Khu chế xuất cấp giấy phép kinh doanh và chứng nhận đăng ký Điều lệ xí nghiệp.

*Điều 13.* — Thời hạn hoạt động của xí nghiệp Khu chế xuất thông thường không quá 50 năm kể từ ngày xí nghiệp được Ban quản lý Khu chế xuất cấp giấy phép kinh doanh.

Hết thời hạn, nếu muốn tiếp tục hoạt động ở Khu chế xuất, xí nghiệp có thể xin Ban quản lý Khu chế xuất gia hạn hoạt động và nếu được tiếp tục hoạt động thì không phải đăng ký lại Điều lệ xí nghiệp.

*Điều 14.* — Xí nghiệp Khu chế xuất được kinh doanh trong khuôn khổ Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam, Quy chế Khu chế xuất và giấy phép kinh doanh.

*Điều 15.* — Trên nguyên tắc tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh, xí nghiệp Khu chế xuất có quyền:

1. Thuê đất trong Khu chế xuất, xây dựng nhà xưởng và các công trình kiến trúc phục vụ kinh doanh theo các điều khoản của giấy phép kinh doanh.
2. Sử dụng các công trình kết cấu hạ tầng, các dịch vụ ở Khu chế xuất và trả tiền sử dụng hoặc lệ phí.
3. Quyết định chương trình, tổ chức kinh doanh phù hợp với giấy phép kinh doanh và Điều lệ xí nghiệp.
4. Nhập khẩu thiết bị, vật tư, nguyên vật liệu cần thiết cho kinh doanh, theo các điều khoản của Giấy phép kinh doanh.
5. Xuất khẩu sản phẩm ra thị trường nước ngoài, thực hiện các dịch vụ có liên quan đến xuất khẩu.
6. Định giá sản phẩm và dịch vụ trên cơ sở thỏa thuận.
7. Được tuyển dụng công nhân, nhân viên vào làm việc ở xí nghiệp.

*Điều 16.* — Các xí nghiệp Khu chế xuất có nghĩa vụ:

1. Tuân theo quy chế Khu chế xuất, Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Pháp luật Việt Nam.

2. Thực hiện nghĩa vụ tài chính với Chính phủ Việt Nam quy định trong Quy chế Khu chế xuất.

3. Mở tài khoản tại Ngân hàng Việt Nam hoặc Ngân hàng liên doanh giữa Việt Nam với nước ngoài hoặc tại Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đặt ở Việt Nam.

4. Mở sổ sách kế toán, thống kê theo Pháp luật Việt Nam.

5. Bảo hiểm tài sản và các loại bảo hiểm khác trong hoạt động của mình.

6. Bảo đảm an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp, bảo vệ môi trường và môi sinh Khu chế xuất, thực hiện các biện pháp phòng cháy, chống cháy.

### Chương III

## THUÊ ĐẤT, THUÊ NHÀ XƯỞNG VÀ XÂY DỰNG CƠ BẢN

*Điều 17.* — Đất đai trong Khu chế xuất thuộc quyền sở hữu của Nhà nước Việt Nam.

*Điều 18.* — Nhà đầu tư có quyền thuê đất trong Khu chế xuất để xây dựng nhà xưởng cần thiết cho kinh doanh.

*Điều 19.* — Thời hạn thuê đất trong Khu chế xuất tùy thuộc vào thời hạn hoạt động của xí nghiệp ghi trong giấy phép kinh doanh.

*Điều 20.* — Trong trường hợp việc xây dựng nhà xưởng đòi hỏi phải phân kỳ sử dụng đất đai, nhà đầu tư được Ban quản lý cho thuê một lần toàn bộ diện tích đất đai cần thiết và phải có kế hoạch sử dụng diện tích được thuê trong thời hạn tối đa 3 năm. Nếu vì lý do bất khả kháng và các lý do chính

09652829



dáng khác, xí nghiệp không hoàn thành kế hoạch xây dựng dự kiến, xí nghiệp phải xin phép Ban quản lý Khu chế xuất gia hạn xây dựng, trước khi thời hạn quy định kết thúc.

Quá thời hạn quy định và trong trường hợp xí nghiệp không được gia hạn xây dựng, Ban quản lý Khu chế xuất có quyền thu hồi phần đất không sử dụng, xí nghiệp không được hoàn trả tiền thuê đất.

Điều 21. — Nhà đầu tư có thể thuê hoặc mua nhà xưởng do Chính phủ Việt Nam hoặc Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng Khu chế xuất xây dựng.

Điều 22. — Việc xây dựng nhà xưởng trong Khu chế xuất phải phù hợp với quy hoạch và thiết kế của Khu chế xuất.

Điều 23. — Nhà đầu tư được tự mình hoặc gọi thầu xây dựng nhà xưởng. Các tổ chức xây dựng Việt Nam được ưu tiên dự thầu.

Điều 24. — Các công trình xây dựng trong khu chế xuất phải bảo đảm về chất lượng, các quy định cấp và thoát nước, phòng cháy, chữa cháy, bảo vệ môi trường, môi sinh.

Điều 25. — Đối với Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng Khu chế xuất, việc xây dựng, cho thuê đất, nhà xưởng ở Khu chế xuất được thực hiện theo các điều khoản của giấy phép đầu tư do Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư cấp.

Trên cơ sở quy hoạch thống nhất của Ban quản lý Khu chế xuất, Công ty xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng được gọi người nước ngoài đầu tư vào Khu chế xuất, cho thuê nhà xưởng, công trình kết cấu hạ tầng...

#### Chương IV

### RA VÀO KHU CHẾ XUẤT

Điều 26. — Khu chế xuất được ngăn cách với vùng lãnh thổ ngoài Khu chế xuất bằng hệ thống tường rào, có cổng và cửa ra vào Khu chế xuất.

Điều 27. — Nhà đầu tư, cán bộ, công nhân, viên chức làm việc trong Khu Chế xuất và những người có quan hệ với các cơ quan, tổ chức, xí nghiệp trong khu chế xuất mới được ra vào Khu chế xuất.

Điều 28. — Công dân Việt Nam và người nước ngoài không được cư trú trong Khu chế xuất. Trường hợp do yêu cầu công việc cần lưu trú trong Khu chế xuất phải được phép của Ban quản lý Khu chế xuất.

Điều 29. — Việc ra vào, đi lại và các hoạt động sinh hoạt khác trong Khu chế xuất do Điều lệ Khu chế xuất quy định.

#### Chương V

### QUAN HỆ LAO ĐỘNG TRONG KHU CHẾ XUẤT

Điều 30. — Xí nghiệp Khu chế xuất phải ưu tiên sử dụng lao động Việt Nam, chỉ sử dụng lao động nước ngoài đối với những loại việc mà người lao động Việt Nam chưa đáp ứng.

Điều 31. — Người lao động Việt Nam có nguyện vọng làm việc tại các xí nghiệp Khu chế xuất phải đăng ký tại Ban quản lý Khu chế xuất theo điều lệ Khu chế xuất.

Xí nghiệp Khu chế xuất được tuyển dụng công nhân, nhân viên trong số lao động đăng ký tại Ban quản lý Khu



chế xuất, xí nghiệp có thể ủy thác cho Công ty cung ứng lao động của Khu chế xuất tuyển chọn giúp lao động. Xí nghiệp Khu chế xuất được phép thông báo rộng rãi yêu cầu tuyển lao động của xí nghiệp, để người lao động Việt Nam đăng ký tại Ban quản lý Khu chế xuất.

*Điều 32.* — Lương của người lao động Việt Nam làm việc tại xí nghiệp Khu chế xuất do người lao động và đại diện xí nghiệp Khu chế xuất thỏa thuận và ghi trong hợp đồng lao động.

*Điều 33.* — Các điều khoản trong Quy chế lao động đối với các xí nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài không trái với điều 31 và điều 32 của Quy chế này được áp dụng cho các xí nghiệp Khu chế xuất.

### Chương VI

## XUẤT, NHẬP KHẨU HÀNG HÓA VÀ DỊCH VỤ

*Điều 34.* — Thiết bị, phương tiện vận tải, vật tư, hàng hóa (gọi chung là hàng hóa), hành lý và ngoại hối từ nước ngoài nhập khẩu vào Khu chế xuất (trực tiếp hoặc qua các cửa khẩu của Việt Nam) và từ Khu chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài (trực tiếp hoặc qua các cửa khẩu của Việt Nam), phải chịu sự kiểm tra, giám sát về hải quan theo các quy định của pháp luật hải quan Việt Nam và phải nộp lệ phí hải quan.

*Điều 35.* —

1. Hàng hóa của xí nghiệp Khu chế xuất xuất khẩu ra nước ngoài và nhập khẩu từ nước ngoài làm thủ tục hải quan tại hải quan Khu chế xuất. Hàng hóa trên tờ khai hải quan phải phù hợp với giấy phép kinh doanh và Điều lệ xí nghiệp.

2. Hàng hóa xuất khẩu vận chuyển từ địa điểm kiểm tra của hải quan Khu chế xuất đến cửa khẩu Việt Nam và hàng hóa nhập khẩu vận chuyển từ cửa khẩu Việt Nam đến địa điểm kiểm tra của hải quan khu chế xuất được thực hiện theo phương thức công-ten-nơ (container), thùng và kiện hàng niêm phong hải quan, có nhân viên hải quan áp tải.

*Điều 36.* — Hàng hóa của xí nghiệp Khu chế xuất bán vào thị trường nội địa và mua ở thị trường nội địa Việt Nam được coi như hàng hóa Việt Nam nhập khẩu từ nước ngoài và xuất khẩu ra nước ngoài do pháp luật xuất nhập khẩu của Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam điều chỉnh.

Trong trường hợp này, Bên mua và Bên bán phải thực hiện các thủ tục hải quan tại Khu chế xuất và theo pháp luật hải quan Việt Nam.

*Điều 37.* —

1. Hành lý, ngoại hối của người nước ngoài làm việc trong Khu chế xuất (bao gồm nhà đầu tư và người nước ngoài làm việc tại các xí nghiệp Khu chế xuất) đưa vào Việt Nam khi nhập cảnh và đem ra nước ngoài khi xuất cảnh, được làm thủ tục hải quan tại hải quan cửa khẩu nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Hành lý, ngoại hối của người nước ngoài từ nội địa Việt Nam đưa vào Khu chế xuất và từ Khu chế xuất vào nội địa Việt Nam được làm thủ tục hải quan tại Khu chế xuất.

*Điều 38.* — Các xí nghiệp Khu chế xuất được ký hợp đồng gia công và hợp đồng dịch vụ với các tổ chức kinh tế nội địa, thuộc các thành phần kinh tế, theo các quy định của Chính phủ Việt Nam về gia công và cung cấp dịch vụ giữa các xí nghiệp Việt Nam với các xí nghiệp nước ngoài.



*Điều 39. —*

1. Thủ tục hải quan phải công khai, nhanh chóng, thuận tiện. Nhân viên hải quan có trách nhiệm hướng dẫn xí nghiệp Khu chế xuất làm thủ tục hải quan.

2. Việc kiểm tra hải quan Khu chế xuất phải tiến hành với sự có mặt của người chủ hàng hóa, hành lý hoặc người đại diện hợp pháp của chủ hàng hóa, hành lý.

3. Giám đốc hải quan tại Khu chế xuất có quyền yêu cầu kiểm tra đột xuất hàng trong kho của xí nghiệp Khu chế xuất khi có căn cứ nhận định có hàng hóa xuất nhập khẩu trái phép.

4. Trong trường hợp có căn cứ để nhận định có hàng hóa, ngoại hối, tiền Việt Nam xuất, nhập khẩu trái phép hoặc đưa ra, mang vào Khu chế xuất trái phép, từ trưởng hải quan cửa khẩu trở lên, có quyền khám phù hợp với quy định của pháp luật hải quan Việt Nam.

*Điều 40. —* Hàng hóa vận chuyển giữa Khu chế xuất này với Khu chế xuất khác trên lãnh thổ Việt Nam phải thực hiện theo phương thức công-ten-nơ (container), thùng và kiện hàng niêm phong hải quan, có nhân viên hải quan áp tải và được miễn thuế xuất, nhập khẩu.

*Điều 41. —* Những hành vi vi phạm các điều khoản của Chương này, tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, được coi là hành vi vi phạm thủ tục hải quan, chế độ kiểm tra, giám sát hải quan, hoặc hành vi buôn lậu hoặc vận chuyển trái phép hàng hóa, ngoại hối, tiền Việt Nam qua biên giới và bị xử lý theo pháp luật hải quan.

*Chương VII***QUẢN LÝ NGOẠI HỐI**

*Điều 42. —* Người nước ngoài hoạt động ở Khu chế xuất mang ngoại hối

vào Việt Nam phải làm thủ tục hải quan tại hải quan cửa khẩu khi nhập cảnh, khi xuất cảnh, được mang ra nước ngoài số ngoại hối chưa sử dụng.

*Điều 43. —* Việc mang ngoại hối từ nội địa vào Khu chế xuất và từ Khu chế xuất vào nội địa phải tuân theo Điều lệ quản lý ngoại hối của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

*Điều 44. —* Trong Khu chế xuất, không lưu hành đồng Việt Nam. Mọi việc mua bán, thanh toán, chuyển nhượng... được thực hiện bằng đồng tiền tự do chuyển đổi.

*Điều 45. —* Xí nghiệp Khu chế xuất, khi xuất khẩu hàng hóa hoặc kinh doanh dịch vụ thu ngoại tệ, phải gửi ngoại tệ thu được vào tài khoản mở tại Ngân hàng. Các khoản chi của xí nghiệp phải thông qua tài khoản nói trên.

*Điều 46. —* Người nước ngoài đầu tư vào Khu chế xuất được chuyển ra nước ngoài các khoản tiền quy định trong Điều 22 Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

*Điều 47. —* Người nước ngoài làm việc ở các Xí nghiệp Khu chế xuất được chuyển lương và các khoản thu nhập hợp pháp ra nước ngoài theo Điều 23 Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

*Chương VIII***CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, THỐNG KÊ VÀ CÁC VẤN ĐỀ TÀI CHÍNH**

*Điều 48. —* Xí nghiệp Khu chế xuất được áp dụng chế độ kế toán, thống kê quy định tại Pháp lệnh kế toán, thống kê ngày 10 tháng 5 năm 1988.

*Điều 49. —* Xí nghiệp Khu chế xuất chịu sự kiểm tra tài chính của cơ quan tài chính Việt Nam.



Theo yêu cầu của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư, Bộ Tài chính và các xí nghiệp Khu chế xuất, các Công ty kiểm toán có thể tiến hành kiểm toán xí nghiệp.

*Điều 50.* — Báo cáo kế toán của xí nghiệp Khu chế xuất phải gửi cho Ban quản lý Khu chế xuất và cơ quan tài chính trong vòng 3 tháng, kể từ ngày khóa sổ năm tài chính của xí nghiệp.

*Điều 51.* —

1. Xí nghiệp Khu chế xuất nộp thuế lợi tức như sau:

a) 10% lợi nhuận đối với xí nghiệp sản xuất.

b) 15% lợi nhuận đối với xí nghiệp dịch vụ.

2. Xí nghiệp Khu chế xuất được miễn thuế lợi tức như sau:

a) Đối với xí nghiệp sản xuất được miễn trong 4 năm, kể từ năm xí nghiệp bắt đầu kinh doanh có lãi.

b) Đối với xí nghiệp dịch vụ được miễn trong 2 năm, kể từ năm xí nghiệp bắt đầu kinh doanh có lãi.

3. Công ty xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng Khu chế xuất nộp thuế lợi tức theo quy định trong giấy phép đầu tư.

4. Nhà đầu tư dùng lợi nhuận thu được để tái đầu tư vào xí nghiệp Khu chế xuất hoặc xí nghiệp nội địa Việt Nam trong thời gian từ 3 năm trở lên, được cơ quan thuế hoàn lại tiền thuế lợi tức đã nộp đối với số lợi nhuận dùng để tái đầu tư.

*Điều 52.* —

1. Xí nghiệp Khu chế xuất được miễn thuế nhập khẩu đối với thiết bị, vật tư, nguyên liệu và hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào Khu chế xuất, được miễn thuế xuất khẩu đối với hàng hóa, hoặc sản phẩm xuất khẩu ra nước ngoài.

2. Hàng hóa của Khu chế xuất bán vào thị trường nội địa hoặc mua ở thị trường nội địa phải chịu thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu theo Luật thuế xuất, nhập khẩu hàng mậu dịch của Việt Nam. (Đối với phế liệu, phế phẩm của xí nghiệp Khu chế xuất bán vào nội địa Việt Nam, lương thực, thực phẩm cần thiết cho sinh hoạt trong Khu chế xuất đưa từ nội địa Việt Nam vào Khu chế xuất, có quy định riêng).

*Điều 53.* — Nhà đất trong Khu chế xuất phải nộp thuế nhà đất theo luật pháp Việt Nam.

*Điều 54.* — Khi chuyển lợi nhuận ra nước ngoài, nhà đầu tư nước ngoài phải nộp thuế chuyển lợi nhuận với thuế suất là 5% lợi nhuận chuyển ra nước ngoài.

*Điều 55.* — Người lao động làm việc ở Khu chế xuất phải nộp thuế thu nhập theo Pháp lệnh thuế thu nhập đối với người có thu nhập cao ngày 27 tháng 12 năm 1990.

*Điều 56.* — Các xí nghiệp Khu chế xuất phải nộp lệ phí hải quan, lệ phí trước bạ, lệ phí chứng thư, lệ phí quản lý và điều hành Khu chế xuất và các lệ phí liên quan khác theo quy định được áp dụng ở địa phương có Khu chế xuất.

## Chương IX

### TỔ CHỨC VÀ QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC KHU CHẾ XUẤT

*Điều 57.* — Ban quản lý Khu chế xuất có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Xây dựng quy hoạch phát triển, phương án hoạt động của Khu chế xuất, tuyên truyền vận động đầu tư vào Khu chế xuất.



2. Xây dựng và thực hiện Điều lệ Khu chế xuất.

3. Theo ủy quyền của Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư xem xét các dự án đầu tư vào Khu chế xuất và cấp giấy kinh doanh (trừ Công ty liên doanh xây dựng và kinh doanh các công trình kết cấu hạ tầng Khu chế xuất nói tại Điều 8 Quy chế này và các dự án thuộc lĩnh vực Ngân hàng).

4. Quy định mức lệ phí quản lý và điều hành Khu chế xuất trong phạm vi được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép.

5. Quản lý về hành chính các hoạt động trong Khu chế xuất.

6. Cấp giấy chứng chỉ xuất xứ hàng hóa và các giấy chứng chỉ khác thuộc thẩm quyền của Ban quản lý.

7. Theo dõi và kiểm tra việc thực hiện các giấy phép kinh doanh.

8. Hòa giải các tranh chấp lao động và tranh chấp hợp đồng kinh tế theo yêu cầu của các bên đương sự.

9. Bảo đảm mọi hoạt động ở Khu chế xuất phù hợp với Quy chế này và Điều lệ Khu chế xuất.

*Điều 58.* — Ban quản lý Khu chế xuất gồm có Trưởng ban, một số Phó ban và ủy viên và có con dấu riêng.

Các thành viên Ban quản lý Khu chế xuất do Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng bổ nhiệm theo đề nghị của Chủ nhiệm Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư và Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố có Khu chế xuất.

*Điều 59.* —

1. Bộ máy giúp việc Ban quản lý Khu chế xuất là Văn phòng.

2. Các tổ chức chuyên ngành hải quan, thuế vụ, công an... đặt tại Khu chế xuất. Các tổ chức này do các cơ quan chuyên ngành cấp trên thành lập, chỉ đạo và hướng dẫn nghiệp vụ.

3. Tùy theo nhu cầu, Ban quản lý Khu chế xuất có thể thành lập Ban tư vấn gồm đại diện các xí nghiệp Khu chế xuất và một số chuyên gia.

4. Ngân hàng, Công ty bảo hiểm Việt Nam được đặt chi nhánh tại Khu chế xuất.

*Điều 60.* —

1. Ban quản lý Khu chế xuất là đơn vị dự toán ngân sách.

2. Các nguồn thu ngân sách trên địa bàn Khu chế xuất được nộp vào ngân sách Nhà nước. Các khoản chi do ngân sách Nhà nước đài thọ.

*Điều 61.* — Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư có trách nhiệm:

1. Xem xét, chuẩn y phương án hoạt động và Điều lệ Khu chế xuất.

2. Hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của Ban quản lý Khu chế xuất.

3. Giải quyết những vấn đề liên quan đến chính sách và pháp luật không thuộc thẩm quyền của Ban quản lý Khu chế xuất và Ủy ban Nhân dân địa phương có Khu chế xuất.

*Điều 62.* — Ủy ban Nhân dân tỉnh, thành phố có Khu chế xuất có trách nhiệm:

1. Giải quyết những vấn đề liên quan đến Khu chế xuất thuộc thẩm quyền ủy ban.

2. Kiến nghị người tham gia Ban quản lý Khu chế xuất.

3. Tạo điều kiện cho Ban quản lý Khu chế xuất thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ quy định tại điều 59 Quy chế này.

*Điều 63.* — Xử lý các tranh chấp trong Khu chế xuất.

1. Ban quản lý Khu chế xuất có trách nhiệm hòa giải các tranh chấp lao động giữa xí nghiệp Khu chế xuất và người lao động, các tranh chấp hợp đồng kinh tế giữa các xí nghiệp Khu chế xuất. Trong trường hợp hòa giải



không thành, các tranh chấp lao động phải đưa ra Tòa án nhân dân tỉnh; các tranh chấp hợp đồng kinh tế phải đưa ra Trọng tài Nhà nước theo pháp luật Việt Nam.

2. Các tranh chấp giữa các Bên liên doanh phát sinh từ hợp đồng liên doanh được giải quyết theo Điều 25 Luật đầu tư nước ngoài.

*Điều 64.* — Các vụ án hình sự xảy ra trong Khu chế xuất thuộc thẩm quyền xét xử của Tòa án Nhân dân theo quy định của Pháp luật Việt Nam.

### Chương X

## ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

*Điều 65.* — Những quy định của Nghị định số 28-HĐBT ngày 6-2-1991 khác với quy định của Quy chế này về cùng một vấn đề, sẽ áp dụng quy định của Quy chế này.

Những quy định khác liên quan đến hoạt động của các xí nghiệp Khu chế xuất không nêu tại Quy chế này sẽ được áp dụng theo các điều khoản tương ứng của Luật đầu tư nước ngoài tại Việt Nam và Nghị định nêu trên.

*Điều 66.* — Những ưu đãi dành cho nhà đầu tư vào Khu chế xuất theo Quy chế này, được Chính phủ Việt Nam duy trì đối với những giấy phép kinh doanh cấp trước ngày ban hành những quy định mới có ảnh hưởng đến quyền lợi của nhà đầu tư.

*Điều 67.* — Căn cứ vào Quy chế này các Bộ và Ủy ban Nhà nước có liên quan, Ủy ban Nhân dân tỉnh và thành phố nơi thành lập Khu chế xuất có trách nhiệm ban hành những văn bản quy định chi tiết để thực hiện.

Ban quản lý Khu chế xuất xây dựng Điều lệ Khu chế xuất trình Ủy ban Nhà nước về hợp tác và đầu tư chuẩn y.

T.M. Hội đồng Bộ trưởng

Chủ tịch

VÕ VĂN KIẾT

**NGHỊ ĐỊNH của Hội đồng Bộ trưởng số 325-HĐBT ngày 19-10-1991 quy định chi tiết thi hành quyết định của Hội đồng Nhà nước bổ sung sửa đổi thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt.**

## HỘI ĐỒNG BỘ TRƯỞNG

*Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng Bộ trưởng ngày 4 tháng 7 năm 1981;*

*Căn cứ quyết định của Hội đồng Nhà nước số 472-NQ/HĐNN8 ngày 10-9-1991 bổ sung sửa đổi thuế doanh thu và thuế tiêu thụ đặc biệt,*

### NGHỊ ĐỊNH:

*Điều 1.* — Giao Bộ Tài chính chi tiết hóa biểu thuế doanh thu đã được bổ sung sửa đổi ban hành kèm theo quyết định số 472-NQ/HĐNN8 ngày 10-9-1991 của Hội đồng Nhà nước.

*Điều 2.* — Bộ trưởng Bộ Tài chính được quyền xét giảm thuế tiêu thụ đặc biệt trong trường hợp các cơ sở sản xuất mới, dây chuyền công nghệ mới đang trong giai đoạn sản xuất thử nếu nộp đủ thuế tiêu thụ đặc biệt mà bị lỗ. Bãi bỏ điều 3 quyết định số 203-HĐBT ngày 29-6-1991 của Hội đồng Bộ trưởng.